

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2026/HS-ST
Ngày 27 – 5 – 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Ngọc Vinh.

Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh - Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 223/2026/TLST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2026 theo định đưa vụ án ra xét xử số: 321/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Mai Thanh H, ngày 10 tháng 3 năm 1987, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: khu phố A, phường T, thành phố Đ; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Xuân H1 và bà Nguyễn Thị Kim T; bị cáo có vợ là Phạm Thị N, sinh năm 1985; có 03 (ba) con, lớn nhất sinh năm 2011 và nhỏ nhất sinh năm 2025; tiền án: không; tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 78/2007/HSST ngày 02/7/2007 Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Buộc bị cáo nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo chấp hành xong phần hình phạt tù vào ngày 02/12/2008 và nộp án phí tháng 11/2007 (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/10/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam T1; “có mặt”.

- Bị hại:

+ Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số A đường N, phường C, tỉnh Đồng Tháp - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Đ; “vắng mặt”.

+ Ông Lê Minh C, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số H, ấp P, phường P, tỉnh Vĩnh Long – Chủ hộ kinh doanh Thuy M; “vắng mặt”.

+ Ông Hoàng Anh Q, sinh năm 1982; Địa chỉ: 8, tổ A, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai - chủ hộ kinh doanh Hoàng Anh Q; “vắng mặt”.

+ Ông Dương Thế Q1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số C, đường Đ, phường T, tỉnh Vĩnh Long - Chủ hộ kinh doanh nhà phân phối Lộc Phát; “vắng mặt”.

+ Ông Ngô Minh C1, sinh năm 1975. Địa chỉ: C đường P, phường P, tỉnh Vĩnh Long - Chủ hộ kinh doanh Nhật Trường; “vắng mặt”.

- Nguyên đơn dân sự: Công ty Cổ phần T2; Địa chỉ: 4, ngõ A, phố V, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân C2, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số B Phố T, tổ B, phường H, thành phố Hà Nội; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Thanh H là Giám đốc Kinh doanh khu vực phía Nam của ty Cổ phần Thương mại và Công nghiệp T) trụ sở tại số D, ngách A, ngõ A, phố V, phường V, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội), lĩnh vực kinh doanh: sản xuất, kinh doanh thiết bị điện, dây cáp điện, ngũ kim và kim khí. Hào được giao nhiệm vụ: phát triển thị trường, xây dựng đội ngũ kinh doanh, tìm kiếm mở rộng và xây dựng kênh phân phối cho công ty tại thị trường phía Nam, H không được giao trách nhiệm thu giữ tiền bán hàng, bao gồm tiền hàng và công nợ từ các nhà phân phối (hộ kinh doanh). Do cần tiền tiêu xài nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản với thủ đoạn: Hào liên hệ với các nhà phân phối của ty Thiên Thành A, yêu cầu các nhà phân phối chuyển tiền công nợ mua hàng vào tài khoản cá nhân của H để H chuyển về lại ty T thanh toán tiền công nợ nhưng sau khi lấy được tiền công nợ từ các nhà phân phối, H đã chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết mà không nộp về công ty, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 10-10-2024, H đến Hộ kinh doanh T, địa chỉ tại số H, ấp P, phường P, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Minh C làm chủ để hướng dẫn sử dụng sản phẩm. Tại đây, H nói dối với ông C được phép thu công nợ của ty Thiên Thành A và yêu cầu ông C chuyển tiền công nợ vào tài khoản số 012001349356 tên Mai Thanh H, mở tại hàng V. Tin tưởng là thật, từ ngày 10-10-2024 đến ngày 26-12-2024, ông C đã chuyển khoản 12 (Mười hai) lần với tổng số tiền thanh toán công nợ cho ty Thiên Thành A là 170.619.000đ (một trăm bảy mươi triệu, sáu trăm mười chín nghìn đồng) vào tài khoản cá nhân như trên của H. Sau khi có được tiền, H đã tiêu xài hết.

Vật chứng vụ án: Đối với số tiền 170.619.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng sáu trăm mười chín nghìn đồng) sau khi nhận từ ông C, H đã sử dụng cá nhân hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không thu hồi được.

Vụ thứ hai: Ngày 17-10-2024, H đến Hộ kinh doanh Hoàng Anh Q, địa chỉ tại tổ A, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai do ông Hoàng Văn Q1 làm chủ, H nói dối với ông Q1 được phép thu công nợ với số tiền 29.747.000đ (hai mươi chín

triệu bảy trăm bốn mươi bảy triệu đồng), yêu cầu ông [Q1](#) chuyển số tiền trên vào tài khoản số 012001349356 tên [Mai Thanh H](#), mở tại hàng [V](#) để thanh toán công nợ với [ty T](#). Tin tưởng là thật, ông [Q1](#) đã chuyển số tiền 29.747.000đ (hai mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi bảy đồng) vào tài khoản cá nhân như trên của [H](#). Sau khi có được tiền, [H](#) đã tiêu xài hết.

Vật chứng vụ án: Đối với số tiền 29.747.000đ (hai mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) sau khi nhận từ ông [Q1](#), [H](#) đã sử dụng cá nhân hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an tỉnh Đ](#) không thu hồi được.

Vụ thứ ba: Ngày 02-12-2024, [H](#) đến [Hộ kinh doanh N](#), địa chỉ tại [số C đường P, 4, tỉnh Vĩnh Long](#) do bà [Ngô Minh C1](#) làm chủ để giao hàng trị giá 24.387.150đ (hai mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm năm mươi đồng) cho bà [C1](#) và bà [C1](#) chưa thanh toán tiền hàng. Tuy nhiên, vì sản phẩm bán chậm, bà [C1](#) nhiều lần liên hệ với [H](#) để xin giảm giá thì [H](#) đồng ý, yêu cầu bà [C1](#) thanh toán số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 012001349356 tên [Mai Thanh H](#), mở tại hàng [V](#). Tin tưởng là thật, ngày 08-01-2025, bà [C1](#) đã chuyển số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) vào tài khoản cá nhân như trên của [H](#). Sau khi có được tiền, [H](#) đã tiêu xài hết.

Vật chứng vụ án: Đối với số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) sau khi nhận từ bà [C1](#), [H](#) đã sử dụng cá nhân hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an tỉnh Đ](#) không thu hồi được.

Vụ thứ tư: Ngày 10-12-2024, [H](#) đến [Hộ kinh doanh L](#), địa chỉ tại [số C, đường Đ, khóm B, phường T, tỉnh Vĩnh Long](#) do ông [Dương Thế Q2](#) làm chủ để giao hàng trị giá 299.180.466đ (hai trăm chín mươi chín triệu, một trăm tám mươi nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng) cho ông [Q2](#), đồng thời [H](#) yêu cầu ông [Q2](#) thanh toán trước một phần tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 012001349356 tên [Mai Thanh H](#), mở tại hàng [V](#). Tin tưởng là thật, ông [Q2](#) đã chuyển số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) vào tài khoản cá nhân như trên của [H](#). Sau khi có được tiền, [H](#) đã tiêu xài hết.

Vật chứng vụ án: Đối với số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) sau khi nhận từ ông [Q2](#), [H](#) đã sử dụng cá nhân hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an tỉnh Đ](#) không thu hồi được.

Vụ thứ năm: Ngày 12-3-2025, [H](#) liên hệ với ông [Nguyễn Minh Đ](#) là chủ Hộ kinh doanh [Nguyễn Đ](#), địa chỉ tại [số A đường N, phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp](#) để yêu cầu ông [Đ](#) thanh toán thêm tiền mua hàng là 10.000.000đ (mười triệu đồng), hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 012001349356 tên [Mai Thanh H](#), mở tại hàng [V](#). Tin tưởng là thật, ông [Đ](#) đã chuyển số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) vào tài khoản cá nhân như trên của [H](#). Sau khi có được tiền, [H](#) đã tiêu xài hết.

Qua kiểm tra, đối chiếu công nợ, [ty T](#) phát hiện các hộ kinh doanh trên vẫn còn nợ tiền hàng nên đã liên hệ với các chủ hộ kinh doanh và biết được việc các hộ kinh doanh trên đã đưa tiền cho [H](#) để trả tiền công nợ cho công ty nhưng bị [H](#) chiếm đoạt nên ty [Thiên Thành A](#) đã làm đơn tố cáo [H](#) đến Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an tỉnh Đ](#). Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an tỉnh Đ](#) đã lập hồ sơ, điều

tra, xử lý. Đến ngày 02-10-2025, [H](#) bị khởi tố, điều tra, xử lý.

Vật chứng vụ án: Đối với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) sau khi nhận từ ông [D](#), [H](#) đã sử dụng cá nhân hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an tỉnh Đ](#) không thu hồi được.

Bản trạng số: 96/CT-VKSKV1 ngày 06/4/2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai đã truy tố bị cáo Mai Thanh Hào về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo [Mai Thanh H](#) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đề nghị xử phạt bị cáo từ 08 đến 09 năm tù.

Tại phiên tòa, bị cáo [Mai Thanh H](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo đúng như nội dung được tóm tắt ở phần trên.

Lời nói sau cùng, bị cáo [Mai Thanh H](#) đã ăn năn hối hận về hành vi mà bị cáo đã gây ra, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa. Trong giai đoạn điều tra đã có lời khai, việc vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án, xét có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 10-10-2024 đến ngày 12-3-2025, trên địa bàn các tỉnh Đồng Nai, Vĩnh Long và Đồng Tháp, [Mai Thanh H](#) đã thực hiện nhiều vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, với thủ đoạn: nói dối với các nhà phân phối (hộ kinh doanh) của ty [Thiên Thành A](#), [H](#) được phép thu tiền công nợ của các hộ kinh doanh để nộp về ty [Thiên Thành A](#) nhưng sau khi nhận được tiền [H](#) đã tiêu xài hết, cụ thể như sau:

Ngày 10-10-2024, tại Hộ kinh doanh T, địa chỉ tại số H, ấp P, phường P, tỉnh Vĩnh Long, H đã chiếm đoạt số tiền 170.619.000đ (một trăm bảy mươi triệu, sáu trăm mười chín nghìn đồng) của ông Lê Minh C.

Ngày 17-10-2024, tại Hộ kinh doanh Hoàng Anh Q, địa chỉ tại tổ A, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai, H đã chiếm đoạt số tiền 29.747.000đ (hai mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) của ông Hoàng Văn Q1.

Ngày 10-12-2024, tại Hộ kinh doanh L, địa chỉ tại số C, đường D, khóm B, phường T, tỉnh Vĩnh Long, H đã chiếm đoạt số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của ông Dương Thế Q2.

Ngày 08-01-2025, tại Hộ kinh doanh N, địa chỉ tại số C đường P, 4, tỉnh Vĩnh Long, H chiếm đoạt số tiền 0.000.000đ (hai mươi triệu đồng) của bà Ngô Minh C1.là

Ngày 12-3-2025, tại chủ Hộ kinh doanh N, địa chỉ tại số A đường N, phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, H chiếm đoạt số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) của ông Nguyễn Minh D.

Tổng số tiền H chiếm đoạt là 280.366.000đ (hai trăm tám mươi triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo Mai Thanh H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh, trật tự trị an. Bị cáo là người đã trưởng thành, đủ khả năng nhận biết được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm tội 02 lần trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần thiệt hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[6] Về dân sự: Tổng số tiền H đã chiếm đoạt là 280.366.000đ (hai trăm tám mươi triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Hiện gia đình H đã bồi thường cho ty T số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), ty T yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 230.366.000đ (hai trăm ba mươi triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho ty T số tiền trên. Do đó, buộc bị cáo bồi thường ty T số tiền 230.366.000đ (hai trăm ba mươi triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn

đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 11.518.300đ (mười một triệu, năm trăm mười tám nghìn, ba trăm đồng) dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Các vấn đề khác: Đối với giao dịch giữa bị cáo và ông [Lê Quang Đ1](#), ông [Đ1](#) xác nhận số tiền chuyển cho [H](#) là tiền vay là giao dịch dân sự nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

- Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố bị cáo [Mai Thanh H](#) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo [Mai Thanh H](#) 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày ngày 03/10/2025.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Buộc bị cáo bồi thường [Công ty Cổ phần T](#) với số tiền 230.366.000đ (hai trăm ba mươi triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

- *Về án phí*: Bị cáo [Mai Thanh H](#) phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 11.518.300đ (mười một triệu, năm trăm mười tám nghìn, ba trăm đồng) dân sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn trên tính từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo luật định.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Nguyên đơn dân sự;
- VKSND khu vực 1- Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Đồng Nai;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- THADS TP. Đồng Nai;
- Công an TP. Đồng Nai;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại

